TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án: số 1289/2026/DS-ST
Ngày: 18/6/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thảo

- Các Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Nguyễn Thị Lượng;

2- Bà Nguyễn Thị Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân Dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lam - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1517/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2809/2026/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên toà số 3943/2026/QĐST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Thế M, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: đường N, phường P (nay là phường Q), Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn L, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: đường S, khu phố T, phường U, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/05/2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Thế M trình bày:

Ngày 28/03/2023, ông Trần Thế M và ông Nguyễn L tự nguyện giao kết "Hợp đồng vay tiền". Nội dung hợp đồng thể hiện số tiền vay trên giấy tờ là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn), thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 28/03/2023 đến ngày 28/03/2024. Phương thức giải ngân thỏa thuận là chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng ACB số 1962168 đứng tên người thụ hưởng là ông Nguyễn L. Lãi suất vay hai bên thống nhất là 2%/tháng, tiền lãi thanh toán vào ngày 28 định kỳ hàng tháng.

Tuy nhiên, thực tế vào ngày 28/03/2023, ông Trần Thế M chỉ thực hiện chuyển khoản cho ông Nguyễn L số tiền gốc là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) từ số tài khoản 0251002758196 của ông M mở tại Ngân hàng Vietcombank. Số tiền 20.000.000đ còn lại tính trên hợp đồng gốc chưa được giao nhận trên thực tế.

Sau khi nhận số tiền vay gốc 180.000.000 đồng, ông Nguyễn L không thực hiện nghĩa vụ trả bất kỳ khoản tiền lãi nào cho ông M. Đến ngày 28/03/2024 khi hết thời hạn vay, ông Trần Thế M đã nhiều lần liên lạc, đôn đốc yêu cầu ông Nguyễn L hoàn trả tiền gốc nhưng ông L luôn tìm lý do trốn tránh và không thanh toán.

Tại hợp đồng có các dòng chữ viết tay ở mặt sau hợp đồng có nội dung: "Đã chốt lãi hết tháng 8/2023 còn 9,10,11,12/2023; 1,2,3/2024 là 7 tháng; Đã chuyển thêm 50tr" kèm chữ ký tên Nguyễn L, ông M khẳng định nội dung này do ông L tự ý ghi chép đơn phương, ông M hoàn toàn không biết, không xác nhận và trên thực tế chưa từng nhận khoản tiền 50.000.000 đồng này.

Nay, ông Trần Thế M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 buộc ông Nguyễn L phải trả cho ông M số tiền nợ gốc thực tế đã vay là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Về tiền lãi suất, ông Trần Thế M tự nguyện không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đối với bị đơn ông Nguyễn L:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 2 đã thực hiện việc cấp, tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông Nguyễn L theo đúng địa chỉ ghi trên Hợp đồng vay tiền và dữ liệu căn cước công dân. Tuy nhiên, ông Nguyễn L không nộp văn bản ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm không có lý do chính đáng.

Kết quả xác minh của Cơ quan Công an phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Ông Nguyễn L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại đường S, khu phố T, phường U, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, trên thực tế ông L đã bán nhà, chuyển đi nơi khác sinh sống và cắt đứt liên lạc với địa phương từ năm 2018 cho đến nay.

Tại phiên toà

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp dân sự về "Hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn L có nơi cư trú cuối cùng tại phường U, thuộc địa giới hành chính của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn ông Nguyễn L đã được Tòa án thực hiện việc cấp tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng hợp lệ theo đúng trình tự pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng tại phiên tòa lần thứ hai.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét quá trình tố tụng ông L vắng mặt không có lý do và không cung cấp tài liệu chứng cứ để trình bày đối với yêu cầu của nguyên đơn

Vì vậy Hội đồng xét xử sử dụng các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời khai của các đương sự có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét xử xét "Hợp đồng vay tiền" ngày 28/03/2023 giữa ông Trần Thế M và ông Nguyễn L, Hội đồng xét xử thấy rằng các bên giao kết hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung và mục đích thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, đây là hợp đồng dân sự hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ hợp pháp giữa các bên theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Xét các hợp đồng nêu trên về nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật căn cứ theo các Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 385 Bộ luật dân sự năm 2015, nên có hiệu lực thi hành.

Xét về số tiền nợ gốc: Mặc dù văn bản hợp đồng ghi nhận số tiền vay là 200.000.000 đồng nhưng căn cứ vào chứng cứ là Sao kê tài khoản Vietcombank ngày 08/04/2026 của ông Trần Thế M, xác định vào ngày 28/03/2023, ông M chỉ thực hiện lệnh chuyển khoản thành công vào tài khoản ngân hàng ACB số 1962168 của bị đơn Nguyễn L với số tiền thực tế là 180.000.000 đồng, đồng thời nguyên đơn thừa nhận chỉ chuyển khoản cho ông L số tiền 180.000.000 đồng. Xét lời thừa nhận của đương sự là chứng cứ không cần phải chứng minh. nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở pháp lý xác định số tiền gốc của giao dịch vay tài sản thực tế là 180.000.000 đồng.

Xét nghĩa vụ trả nợ: Theo thỏa thuận, thời hạn vay kết thúc vào ngày 28/03/2024. Đến hạn thanh toán, ông Nguyễn L không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền gốc cho ông M, vi phạm nghiêm trọng cam kết nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Đối với các dòng chữ viết tay đơn phương

của bị đơn ở mặt sau hợp đồng về việc "chốt lãi" hay "đã chuyển thêm 50tr", do bị đơn vắng mặt không đến Tòa án để đối chất, không cung cấp được chứng từ chuyển khoản ngược lại để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thế M buộc ông Nguyễn L phải trả số tiền gốc 180.000.000đ là hoàn toàn có căn cứ và cần chấp nhận toàn bộ.

Về tiền lãi suất: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Thế M khẳng định tự nguyện không yêu cầu Tòa án xem xét, tính toán khoản tiền lãi đối với số tiền vay trên. Đây là sự tự nguyện định đoạt quyền dân sự hợp pháp của đương sự phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận và không xét giải quyết.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì vậy, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị đơn phải chịu trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

+ Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông Nguyễn L phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông Trần Thế M tổng số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày 19/06/2026, nếu người phải thi hành án chưa trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi của số tiền nợ chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn L phải nộp 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Trả lại cho ông Trần Thế M tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 38883 ngày 17/11/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều7a; Điều 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự của vụ án;
- VKSND KV2-TP.HCM;
- Phòng Thi hành án DS KV2-TPHCM;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Đỗ Thị Thu Thảo